TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2662/2026/QĐST-DS	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi, bổ sung 2025;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 264/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Đồng nguyên đơn: Bà Nguyễn Thu V, sinh năm 1961; bà Lê Thị Ngọc Y, sinh năm 1982; cùng địa chỉ: 93/2 Bạch V, phường An Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Trung T; địa chỉ: 80 Bạch V, phường An Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1934; địa chỉ: 689/33 đường H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, đã chết 2021 theo giấy chứng tử số 02/2021 ngày 05/01/2021 của Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (cũ).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:

- Ông Lê Việt H, sinh năm 1961; địa chỉ: số 09 Đường X, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1963;

- Bà Lê Thị Th, sinh năm 1966;

- Ông Lê Văn T, sinh năm 1973;

- Ông Lê Văn H, sinh năm 1975; cùng địa chỉ: 689/33 đường H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn: Ông Lê Thành T, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp Sóc S, xã C, tỉnh Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Hữu T, sinh năm 1988; địa chỉ: 93/2 Bạch V, phường An Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Trung T; địa chỉ: 80 Bạch V, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định di sản thừa kế là nhà, đất tại địa chỉ 93/2 Bạch V, Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường An Đ), thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 11 BĐĐC P5.Q5 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 70109090132, hồ sơ gốc số 31973/2001 do Ủy ban nhân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/12/2001 và được biến động qua tên ông Lê Hoài V tại trang 03 (ba) ngày 22/10/2002 của Trung tâm thông tin và đăng ký nhà, đất Thành phố Hồ Chí Minh (ông Lê Hoài V được bà Nguyễn Thị M tặng cho theo Hợp đồng số 09240/HĐ-TCN ngày 07/10/2002, ông Lê Hoài V, sinh năm 1957, đã chết theo giấy chứng tử số 22/2016/TLKT ngày 28/3/2016 của Ủy ban nhân dân Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh).

2.2. Xác định hàng thừa kế di sản nêu trên của ông Lê Hoài V, gồm: Bà Nguyễn Thu V, sinh năm 1961, bà Lê Thị Ngọc Y, sinh năm 1982, ông Lê Hữu T, sinh năm 1988 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1934, đã chết năm 2021 theo giấy chứng tử số 02/2021 ngày 05/01/2021 của Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (cũ) – những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị M, gồm: Ông Lê Việt H, bà Lê Thị Th, bà Lê Thị T, ông Lê Văn Hòa và ông Lê Văn T.

2.3. Các đương sự thống nhất trị giá di sản thừa kế là nhà, đất nêu trên có tổng trị giá là 2.806.000.000đ (hai tỷ, tám trăm lẻ sáu triệu đồng).

2.4. Các đương sự tự nguyện thống nhất chia di sản thừa kế trên theo tỷ lệ sau khi đã trừ đi các chi phí phát mại như sau: Bà Nguyễn Thu V, bà Lê Thị Ngọc Y, ông Lê Hữu T mỗi người được hưởng theo tỷ lệ ¼ trên tổng giá trị di sản; bà Nguyễn Thị M chết năm 2021 – những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Mười, gồm: Ông Lê Việt H, bà Lê Thị Th, bà Lê Thị T, ông Lê Văn Hòa và ông Lê Văn T được hưởng theo tỷ lệ là ¼ trên tổng giá trị di sản.

2.5. Bà Nguyễn Thu V, bà Lê Thị Ngọc Y và những người trực tiếp quản lý, sử dụng, cư trú phát sinh tại thời điểm thi hành án có nghĩa vụ phải giao tài sản trên cho Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại.

2.6. Quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.7. Về chi phí tố tụng: là 10.200.000đ (mười triệu, hai trăm nghìn đồng) do các bên tự nguyện chịu, ghi nhận đã nộp đủ.

2.8. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thu V được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thu V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000đ (sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số AG/2014/0005761 ngày 04/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Bà Lê Thị Ngọc Y phải chịu án phí là 10.030.000đ (mười triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng), được cấn trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000đ (sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số AG/2014/0005762 ngày 04/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh), bà Yến phải nộp bổ sung là 3.780.000đ (ba triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng) tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Lê Hữu T phải chịu án phí là 10.030.000đ (mười triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng), được cấn trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000đ (sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số AG/2014/0005888 ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh), ông Tài phải nộp bổ sung là 3.780.000đ (ba triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng) tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà Nguyễn Thị M chết năm 2021 - những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Mười, gồm: Ông Lê Việt H, bà Lê Thị Th, bà Lê Thị T, ông Lê Văn H và ông Lê Văn T tự nguyện chịu án phí là 10.030.000đ (mười triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng) nộp tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND TP. HCM;
- VKSND khu vực 9 – TP. HCM;
- Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Yến